

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 621, ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 621, ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H có mặt; bà T, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị H trình bày:

Bà T và ông M là hàng xóm của bà, do cần vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên bà T và ông M vay tiền của bà nhiều lần. Cụ thể như sau:

- Vào ngày 21/5/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà T chỉ đóng tiền lãi được 05 tháng tổng số tiền là 13.000.000 đồng.

- Vào ngày 09/7/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà T chỉ đóng tiền lãi được 03 tháng tổng số tiền là 300.000 đồng.

- Vào ngày 21/8/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà T chỉ đóng tiền lãi được 02 lần nhưng không đủ, số tiền lãi bà T đã đóng là 2.600.000 đồng.

- Vào ngày 21/9/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, theo hình thức trả góp hàng ngày, mỗi ngày 800.000 đồng trong vòng 28 ngày nhưng bà T chưa trả được ngày nào.

- Vào ngày 29/9/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, theo hình thức trả góp hàng ngày, mỗi ngày 800.000 đồng, trả góp trong vòng 28 ngày nhưng bà T chưa trả được ngày nào.

- Vào ngày 06/10/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà T chưa đóng tiền lãi.

- Vào ngày 06/10/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 70.000.000 đồng, đóng tiền lãi theo ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, bà T chỉ đóng tiền lãi được 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng.

- Vào ngày 13/10/2018 âl, bà cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, theo hình thức trả góp hàng ngày, mỗi ngày 800.000 đồng, trả góp trong vòng 28 ngày nhưng bà T chưa trả được ngày nào.

Theo đơn khởi kiện, bà cho rằng tổng số tiền bà T và ông M đã vay của bà là 350.000.000 đồng. Bà T thay mặt ông M vay tiền nhằm mục đích chung của gia đình. Ông M biết và cùng bà T đóng lãi cho bà. Đến cuối tháng 10/2018 âl, bà T và ông M đi khỏi địa phương. Trong thời gian qua, bà T và ông M đã ổn định cuộc sống, quay về địa phương làm ăn nhưng không có ý định trả nợ cho

bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà T và ông M có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vốn 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà H khẳng định tất cả các lần vay tiền đều do bà T vay và nhận tiền của bà. Khi vay tiền, bà T nói mục đích vay là để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn nhằm hưởng tiền chênh lệch; ông M không có nhận tiền, không ký vào các biên bản nhận tiền của bà nhưng ông M biết việc bà T vay. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ chứng minh ông M biết bà T vay tiền và cũng không có chứng cứ chứng minh bà T sử dụng tiền vay hay chênh lệch lãi suất nhằm phục vụ cho cuộc sống gia đình chung của vợ chồng bà T, ông M.

Bà không yêu cầu giám định chữ viết, chữ số, chữ ký, không yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án đưa thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Bà H thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T và ông M chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay là 350.000.000 đồng.

Về lãi: ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông M có trách nhiệm liên đới cùng với bà T trả cho bà H số tiền vay 350.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bị đơn là bà Lê Thị Hoàng T. Bà T có địa chỉ tại thị trấn G, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà T, ông M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt (không lý do). Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà T, ông M.

[2] Về nội dung:

Bà H cho rằng bà có cho bà T vay nhiều lần, các lần cụ thể gồm: ngày 21/5/2018 âl, bà T vay số tiền 130.000.000 đồng; vào ngày 09/7/2018 âl, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 21/8/2018 âl, bà T vay số tiền 70.000.000 đồng; ngày 21/9/2018 âl, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 29/9/2018 âl, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 06/10/2018 âl, bà T vay số tiền 15.000.000 đồng; ngày 06/10/2018 âl, bà T vay số tiền 70.000.000 đồng; ngày 13/10/2018 âl, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng. Bà H có cung cấp cho Tòa án các giấy viết tay mượn tiền và cho rằng các chữ viết, chữ số, chữ ký, đều là của bà T viết và ký.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà H yêu cầu vợ chồng bà T, ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền bà T vay tổng cộng là 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H khẳng định tất cả các lần bà T vay tiền đều nói mục đích vay là để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn. Theo bà H thì ông M biết việc bà T vay tiền của bà. Bên cạnh đó, bà T vay tiền của bà xong cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn để lấy chênh lệch tiền lãi lo cho gia đình chung của bà T và ông M nên ông M phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ cho bà số tiền bà T đã vay tổng cộng là 350.000.000 đồng.

Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 12/5/2022 tại Công an thị trấn G (BL 70) thì tại thời điểm Công an thị trấn G xác nhận nơi cư trú của bà T và ông M cho bà H (ngày 13/4/2022) để bà H nộp đơn khởi kiện thì bà T và ông M có mặt tại nơi cư trú 621, ấp 6, thị trấn G, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hiện nay, bà T và

ông M đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không báo với chính quyền địa phương. Như vậy, xem như bà T và ông M cố tình trốn tránh, không có thiện chí trả nợ cho bà H.

Bà H trình bày các giấy viết tay mượn tiền đều do bà T viết và ký tên. Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được cho bà T với lý do bà T không có mặt tại nhà trong giờ hành chính nên Tòa án niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, bản phô tô tài liệu chứng cứ trong đó có bản phô tô các giấy viết tay mượn tiền, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T và ông M nhưng bà T và ông M vắng mặt, không tham gia và không có văn bản ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ, chữ viết, chữ ký, chữ số trong các giấy viết tay và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào các giấy viết tay có cơ sở xác định bà T có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng cộng 350.000.000 đồng.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà 350.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông M, các giấy viết tay mượn tiền không có chữ viết, chữ ký của ông M, nội dung biên nhận không thể hiện mục đích vay tiền của bà T. Bà H cho rằng ông M cũng biết việc bà T vay tiền của bà, bà T vay tiền để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn và lấy chênh lệch tiền lãi để lo cho gia đình chung của bà T, ông M nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh ông M cùng vay tiền hoặc biết và đồng ý việc bà T vay tiền, cũng không có chứng cứ chứng minh bà T sử dụng tiền vay để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà T và ông M nên không có cơ sở buộc ông M có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả cho bà số tiền bà T vay là 350.000.000 đồng.

Bà H không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng (350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng).

Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007191 ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc bà Lê Thị Hoàng T có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị H số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lê Thị Hoàng T trả cho bà Võ Thị H số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007191 ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang